

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 34/2023/DS-ST.

Ngày: 28/4/2023.

V/v: “T/c hợp đồng mua bán tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn D

2. Ông Nguyễn Thành T

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thành N** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Đức M** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 03/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-DS ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M1.**

Người đại diện hộ kinh doanh: Ông **Nguyễn Văn M1**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1971 cùng vợ là bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Huỳnh Nhựt T1**, sinh năm 2002 (con ông H, bà Đ).

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1979 (vợ ông M1).

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Ông M1, ông H có mặt, bà Đ, anh T1 vắng mặt, bà X có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M1 trình bày như sau:*

Vào ngày 25/10/2021 vợ chồng ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ cùng con là anh Huỳnh Nhật T1 có đến hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M1 do tôi làm chủ để mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu và một số vật tư nông nghiệp với số tiền là 360.000.000 đồng (đợt 1). Đến ngày 14/5/2022 phía ông H, bà Đ cùng con là anh Huỳnh Nhật T1 tiếp tục mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu và một số vật tư nông nghiệp với số tiền là 87.812.000 đồng (đợt 2). Tổng cộng hai đợt phía ông H, bà Đ, cùng con là anh T1 mua thiếu của cửa hàng tôi tổng số tiền là 447.812.000 đồng.

Phía cửa hàng của tôi đã giao đủ số lượng vật tư nông nghiệp cho phía gia đình ông H và bà Đ. Khi mua bán hai bên có làm hợp đồng mua vật tư nông nghiệp Đ ngày 25/10/2021. Theo nội dung hợp đồng mà các bên đã ký kết vào ngày 25/10/2021 thì phía vợ chồng ông H, bà Đ và anh T1 sẽ T1 toán cho bên tôi số tiền nêu trên là 447.812.000 đồng trong thời hạn 04 tháng, nếu quá thời hạn 04 tháng kể từ ngày 25/10/2021 phía ông H, bà Đ cùng anh T1 không trả số tiền gốc nêu trên thì sẽ trả lãi cho tôi với số tiền lãi là 2,5% trên tổng số nợ gốc.

Tuy nhiên hết thời hạn 04 tháng tính từ ngày 25/10/2021 cho đến nay thì phía bên vợ chồng ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ, anh Huỳnh Nhật T1 vẫn cố tình không T1 toán cho tôi số tiền nợ gốc mua bán vật tư nông nghiệp này và cũng không T1 toán lãi cho tôi theo như hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp đã ký kết giữa các bên, mặc dù tôi đã nhiều lần liên hệ phía vợ chồng ông H, bà Đ và anh T1 để yêu cầu có trách nhiệm T1 toán số nợ này cho tôi, nhưng phía ông H cố tình trốn tránh trách nhiệm T1 toán nợ.

Do đó nay tôi yêu cầu tòa án buộc ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ và anh Huỳnh Nhật T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền gốc còn nợ mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 447.812.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/02/2023. Cụ thể tiền lãi như sau: $447.812.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 60.454.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ và anh Huỳnh Nhật T1 phải trả cho tôi số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/02/2023 là 508.266.000 đồng (trong đó tiền gốc là 447.812.000 đồng, tiền lãi là 60.454.000 đồng) và yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi từ ngày 15/02/2023 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm xong.

Tại phiên tòa hôm nay do thấy hoàn cảnh phía ông H, bà Đ khó khăn nên tôi đồng ý giảm số tiền gốc, tôi chỉ yêu cầu phía ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho tôi số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

- Đối với số tiền gốc 360.000.000 đồng tôi yêu cầu tính lãi từ ngày 25/10/2021 đến 28/4/2023 làm tròn là 18 tháng. Cụ thể: $360.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 1,5\% = 97.200.000 \text{ đồng}$.

- Đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng tôi yêu cầu tính lãi từ ngày 14/5/2022 đến ngày 28/4/2022 làm tròn 11 tháng. Cụ thể: $40.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} \times 1,5\% = 6.600.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền lãi tôi yêu cầu là 103.800.000 đồng. Tuy nhiên do thấy hoàn cảnh phía ông H, bà Đ gặp khó khăn nên tôi bớt số tiền lãi. Chỉ yêu cầu phía ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho tôi số tiền lãi là 80.000.000 đồng. Tổng cộng tôi yêu cầu phía ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho tôi số tiền gốc và lãi là 480.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu phía anh Huỳnh Nhật T1 là con của ông H, bà Đ phải liên đới trả số tiền này. Tôi chỉ yêu cầu phía ông H và bà Đ phải T1 toán cho tôi số tiền còn nợ nêu trên.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày như sau:*

Tôi thừa nhận trước đây vợ chồng tôi có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn M1 do ông ông Nguyễn Văn M1 làm chủ để mua phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần với hình thức trả gởi đầu theo mùa về để sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Cứ khi làm xong mùa vụ thì sẽ trả tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu này và còn thiếu lại một số tiền. Vợ chồng tôi mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng ông M1 từ năm 2018 cho đến năm 2021 thì ngưng.

Vợ chồng chúng tôi thừa nhận đến ngày 25/10/2021 hai bên chúng tôi có tổng kết nợ lại với nhau, theo đó phía vợ chồng tôi còn nợ lại của hàng ông M1 số tiền mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền khoảng 630.000.000 đồng. Cùng năm 2021 vợ chồng tôi có trả cho ông M1 số tiền là 395.000.000 đồng, còn nợ ông M1 số tiền còn lại khoảng 235.000.000 đồng. Sau đó cùng năm 2021 vợ chồng tôi có mua thêm của cửa hàng ông M1 một số vật tư nông nghiệp với số tiền khoảng 35.000.000 đồng thì ngưng giao dịch từ đó cho đến nay.

Tôi thừa nhận theo tờ hợp đồng mua vật tư nông nghiệp Đ ngày 25/10/2021 là chữ ký và chữ viết của tôi ký tên. Tuy nhiên mặc dù tôi có ký tên vào tờ hợp đồng này nhưng thực tế vợ chồng tôi chỉ có thiếu nợ lại ông M1 số tiền là 270.000.000 đồng, đối với hợp đồng này tôi chỉ ký tên hợp đồng trống, không ghi số tiền, số tiền trong hợp đồng là phía ông M1 tự ghi thêm vào. Vợ chồng tôi mua vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Văn M1 với mục đích về sản xuất nông nghiệp trong gia đình và sinh hoạt trong gia đình, nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả lại cho cửa hàng của ông Nguyễn Văn M1.

Tại phiên tòa hôm nay phía hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M1 do ông Nguyễn Văn M1 làm chủ yêu cầu vợ chồng tôi phải trả lại cho ông Nguyễn Văn M1 với số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi là 480.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000.000 đồng) thì vợ chồng tôi cũng đồng ý trả cho ông M1 số tiền này. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều

khó khăn nên chúng tôi xin được trả dần sau khi thu hoạch mỗi vụ lúa là 30.000.000 đồng/vụ, mỗi năm là 60.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ này.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị Đ và anh Huỳnh Nhựt T1:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho phía bà Huỳnh Thị Đ và anh Huỳnh Nhựt T1. Phía ông Huỳnh Văn H đã nhận thay cho phía bà Đ, anh T1 và có thông báo cho phía bà Đ, anh T1 về Tòa án để làm việc nhưng tại phiên tòa hôm nay phía bà Đ và anh T1 vẫn không về tham dự phiên tòa và vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày như sau:*

Tôi và ông Nguyễn Văn M1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay chồng tôi là ông Nguyễn Văn M1 khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất để yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc phía ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho chồng tôi số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền này chúng tôi là vợ chồng thì chúng tôi tự sắp xếp với nhau, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này, tôi cũng không có yêu cầu độc lập. Ý kiến của chồng tôi tại phiên tòa như thế nào thì tôi cũng đồng ý, tôi không có ý kiến gì. Đ nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời do bận công việc mua bán, không có thời gian đi lại nên tôi Đ nghị Tòa án cho tôi xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ và tiền lãi tổng cộng tiền gốc và lãi là 480.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000.000 đồng), đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc anh Huỳnh Nhựt T1 phải liên đới trả nợ do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện và số tiền gốc, tiền lãi do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu; buộc phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đại diện hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M1 khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho cửa hàng của ông M1 số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và lãi là 480.000.000 đồng. Ông H và bà Đ cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Nhựt T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Mỹ X đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự HĐXX có cơ sở nhận định như sau: Vào năm 2022 ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn M1 do ông Nguyễn Văn M1 làm chủ để mua vật tư nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp

trong gia đình nhiều lần. Hai bên có làm hợp đồng mua vật tư nông nghiệp thể hiện phía gia đình ông Huỳnh Văn H có mua vật tư nông nghiệp đợt 1 vào ngày 25/10/2021 với số tiền là 360.000.000 đồng và đợt 2 ngày 14/5/2022 với số tiền là 87.812.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 447.812.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H Đu thừa nhận còn nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn M1 do ông Nguyễn Văn M1 làm chủ số tiền mua bán vật tư nông nghiệp nêu trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M1 yêu cầu vợ chồng ông H và bà Đ phải trả cho ông số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng là 480.000.000 đồng; trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được thỏa thuận với hình thức mua bán gói đầu, khi mua bán Đu có lập sổ và ký nhận, đến ngày 25/10/2021 và ngày 14/5/2022 giữa các bên có kết nợ bằng văn bản, bên bán là ông M1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua ông H và bà Đ đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Theo quy định tại các Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015: *Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Bên mua có nghĩa vụ T1 toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông M1 yêu cầu ông H và bà Đ phải trả cho hộ kinh doanh của ông M1 số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc 466.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1,5%/tháng trên số tiền nợ gốc mua vật tư nông nghiệp là 400.000.000 đ. Cụ thể số tiền 360.000.000 đồng được tính từ ngày 25/10/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm; số tiền 40.000.000 đồng được tính từ ngày 14/5/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: giữa hai bên có kết nợ với nhau vào ngày 14/5/2022, tuy nhiên từ thời gian này cho đến nay phía ông H và bà Đ vẫn chưa T1 toán số tiền nợ

gốc và lãi cho phía cửa hàng của ông M1. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông H Đu thừa nhận có nợ số tiền gốc nêu trên và đồng ý trả số tiền nợ gốc và tiền lãi là 480.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay vì hoàn cảnh gia đình ông bà hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả một lần, yêu cầu xin được trả dần số tiền này cụ thể xin trả dần số tiền này sau khi thu hoạch mỗi vụ lúa là 30.000.000 đồng/vụ, mỗi năm là 60.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ này.

Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn không đồng ý cho vợ chồng ông H và bà Đ được trả dần. Do đó HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Từ những cơ sở trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ phải cho hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M1 số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 480.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000.000 đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc anh Huỳnh Nhựt T1 phải liên đới trả nợ do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc và tiền lãi do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.200.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M1 về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ phải trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ.

1.1. Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M1 do ông Nguyễn Văn M1 làm đại diện số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 480.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000.000 đồng).

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc và tiền lãi và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc anh Huỳnh Nhựt T1 phải liên đới trả nợ do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện này.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.200.000 đồng.

Hoàn trả cho hộ kinh doanh Nguyễn Văn M1 do ông Nguyễn Văn M1 làm đại diện số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.165.000 đồng (Mười hai triệu, một trăm sáu

mười lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004460 ngày 08/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn A